

Số: 45⁰³/QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày 23 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm đối với các lô đất đưa vào tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các vùng Quy hoạch đất ở dân cư trên địa bàn xã Xuân Phổ (Đợt 1, năm 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh về việc quy định tạm thời phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nghi Xuân;



Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 27/09/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Quyết định số 4491/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND huyện Nghi Xuân về việc phê duyệt giá đất cụ thể tại các vùng quy hoạch dân cư xã Xuân Phổ, Xuân Hải, Xuân Yên;

Căn cứ Văn bản số 1586/UBND-TNMT ngày 01/10/2019 của UBND huyện về việc đồng ý chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất ở; Văn bản số 695/UBND-TNMT ngày 04/6/2018 của UBND huyện về việc cho chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phổ;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Phổ tại Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 18/10/2019; của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 289/TTr-TCKH ngày 23/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm đối với các lô đất đưa vào tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các vùng Quy hoạch đất ở dân cư trên địa bàn xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Đợt 1, năm 2019), cụ thể như sau:

1. Có 04 vùng quy hoạch: 15 lô; tổng diện tích: 3.984,4 m²; tổng giá khởi điểm: 2.859.111.000 đồng.

- Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 3, xã Xuân Phổ (vùng 1): 01 lô; tổng diện tích: 285,4 m²; tổng giá khởi điểm: 342.480.000 đồng.

- Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 3, xã Xuân Phổ (vùng 2): 01 lô, tổng diện tích: 277,9 m²; tổng giá khởi điểm: 233.436.000 đồng.

- Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 8, xã Xuân Phổ: 03 lô; tổng diện tích: 600,4 m²; tổng giá khởi điểm: 540.360.000 đồng.

- Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 7, xã Xuân Phổ: 10 lô; tổng diện tích: 2.820,7 m²; tổng giá khởi điểm: 1.742.835.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

3. Áp dụng chung đối với các vùng quy hoạch trên địa bàn

Các lô đất ở bóm 02 mặt đường liền kề đã được nhân hệ số theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân giao:

1. UBND xã Xuân Phổ căn cứ các quy định của pháp luật tại các văn bản liên quan và giá khởi điểm của từng lô đất được quy định tại Quyết định này để phối hợp tổ chức thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn theo quy định của Pháp luật.

2. Tổ chức bán đấu giá tài sản được cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng theo quy định tại Điều 34, Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016.

3. Các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Tư pháp, Chi cục Thuế Nghi Xuân; UBND xã Xuân Phổ và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước để kiểm tra, giám sát, tham mưu UBND huyện tổ chức thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không được để xảy ra sai sót, tiêu cực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Tư pháp; Chi cục trưởng Chi cục Thuế Nghi Xuân; Chủ tịch UBND xã Xuân Phổ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp;
- Lưu: VT, TCKH.
- Gửi văn bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hải Nam



PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP PHÊ DUYỆT GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC VÙNG QUY HOẠCH XEN DẠM DÂN CƯ XÃ XUÂN PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 4503/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Vùng quy hoạch	Vị trí	Lô quy hoạch	Diện tích (m ²)	Giá theo quyết định số 94/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND			Giá khởi điểm phê duyệt			Ghi chú
					Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8=5*6*7	9	10	11=9*10	12
1	Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 3, xã Xuân Phò (Vùng 1)	Đường nội xã: Các tuyến đường liên thôn rộng ≥ 4m (có rải nhựa hoặc bê tông, cấp phối)	01	285.40	350,000	1.2	119,868,000	1,000,000	1.2	342,480,000	Bám đường QH rộng 15m
Cộng					285.40		119,868,000			342,480,000	
2	Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 3, xã Xuân Phò (Vùng 2)	Đường nội xã: Các tuyến đường nội thôn rộng ≥ 4m (có rải nhựa hoặc bê tông, cấp phối)	01	277.90	240,000	1.2	80,035,200	700,000	1.2	233,436,000	Bám đường QH rộng 7m
Cộng					277.90		80,035,200			233,436,000	
3	Mặt bằng quy hoạch xen dăm đất ở dân cư xóm 8, xã Xuân Phò	Đường nội xã: Các tuyến đường liên thôn rộng ≥ 4m (có rải nhựa hoặc bê tông, cấp phối)	01	222.70	350,000		77,945,000	900,000		200,430,000	Bám đường QH rộng 9m, không rải nhựa hoặc bê tông, cấp phối
4			02	214.00	350,000		74,900,000	900,000		192,600,000	
5			03	163.70	350,000		57,295,000	900,000		147,330,000	
Cộng					600.40		210,140,000			540,360,000	
6			02	215.60	240,000		51,744,000	500,000		107,800,000	Bám đường trực xóm QH rộng 7m; hình thể không cân đối

TT	Vùng quy hoạch	Vị trí	Lô quy	Diện tích	Giá theo quyết định số 94/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND	Giá khởi điểm phê duyệt	Ghi chú		
10	Mặt bằng quy hoạch xen đầm đất ở dân cư xóm 7, xã Xuân Phổ	Đường nội xã: Các tuyến đường nội thôn rộng $\geq 4m$ (có rải nhựa hoặc bê tông cấp phối)	06	205.00	240,000	59,040,000	550,000	1.2 / 135,300,000	Bám 02 mặt đường (Đường QH 4m, đường trục xóm QH rộng 7m, chiều sâu ngắn)
11			07	203.80	240,000	48,912,000	550,000	112,090,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m, chiều sâu ngắn
16			12	208.60	240,000	50,064,000	550,000	114,730,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m, chiều sâu ngắn
17			13	197.70	240,000	47,448,000	550,000	108,735,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
7			03	254.90	240,000	61,176,000	600,000	152,940,000	Bám 02 mặt đường (Đường QH 4m, đường trục xóm QH rộng 7m)
8			04	251.20	240,000	60,288,000	600,000	150,720,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
9			05	232.40	240,000	66,931,200	600,000	167,328,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
12			08	292.70	240,000	70,248,000	600,000	175,620,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
13			09	292.00	240,000	84,096,000	600,000	210,240,000	Bám 02 mặt đường (Đường QH 4m, đường trục xóm QH rộng 7m)
14			10	227.10	240,000	65,404,800	600,000	163,512,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
15			11	239.70	240,000	57,528,000	600,000	143,820,000	Bám đường trục xóm QH rộng 7m
Cộng			2,820.70		722,880,000	1,742,835,000			
Tổng cộng			3,984.40		1,132,923,200	2,859,111,000			